|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ CÔNG THƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ**

**Thi đua, Khen thưởng của Sở Công Thương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 106 /*QĐ-SCT *ngày 09 /9/2020*

*của Giám đốc Sở Công Thương)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Sở Công Thương theo Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi đua, Khen thưởng (TĐKT) hiện hành.

2. Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và người lao động thuộc Sở Công Thương.

**Điều 2. Mục tiêu thi đua**

Nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**Điều 3. Nguyên tắc TĐKT**

1. Nguyên tắc thi đua gồm:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai;

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng gồm:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;

b) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn;

c) Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích và vật chất.

**Điều 4. Những trường hợp không tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (trừ khen thưởng đột xuất)**

1. Đối với tập thể

a) Không đăng ký thi đua, không phát động và không thực hiện các phong trào thi đua; không thực hiện chương trình công tác đã đăng ký;

b) Không chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của cơ quan, đơn vị;

d) Trưởng phó phòng, đơn vị trực thuộc, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

đ) Chưa khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các phòng, đơn vị trực thuộc có CBCCVC đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét hình thức kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

2. Đối với cá nhân

a) Không đăng ký thi đua;

b) Không chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

c) Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;

d) Chưa khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho CBCCVC đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét hình thức kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

3. Các phong trào thi đua chuyên đề không có kế hoạch tổ chức, phát động phong trào không xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu, thời gian thực hiện và chưa có hướng dẫn về tiêu chí, số lượng khen thưởng được cấp có thẩm quyền khen thưởng đồng ý.

**Chương II**

**TỔ CHỨC THI ĐUA**

**Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua**

1. Thi đua thường xuyên được tổ chức nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình công tác đề ra hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

2. Thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiến hành tổng kết, đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua.

3. Thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) được tổ chức để thực hiện những nhiệm vụ công tác trọng tâm, đột xuất theo từng giai đoạn và thời gian xác định.

**Điều 6. Phát động phong trào thi đua**

1. Giám đốc Sở tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi ngành, lĩnh vực mình quản lý.

2. Sở Công Thương thành lập Hội đồng TĐKT để tổ chức phong trào thi đua và bình xét thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc phát động và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua trong phạm vi quản lý.

4. Đề nghị các đoàn thể theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức và phối hợp với các đơn vị để triển khai phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm và nhân rộng điển hình tiên tiến; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

b) Giám sát việc thực hiện và đề xuất giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về TĐKT.

**Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua**

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị và có tính khả thi.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua phù hợp. Chú trọng tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của CBCCVC và người lao động trong cơ quan, đơn vị.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động CBCCVC và người lao động tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

**Chương III**

**DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG**

**Điều 8. Danh hiệu thi đua**

1. Đối với cá nhân:

a) “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ”;

b) “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”;

c) “Chiến sỹ thi đua cơ sở”;

d) “Lao động tiên tiến”.

2. Đối với tập thể:

a) “Cờ thi đua của Chính phủ”.

b) “Cờ thi đua của Bộ”;

c) “Cờ thi đua của UBND tỉnh”;

d) “Tập thể lao động xuất sắc”;

đ) “Tập thể lao động tiên tiến”.

**Điều 9. Tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 10, Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10/12/2019 của Bộ Công Thương.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

4. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

5. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

6. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

7. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

8. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

**Chương IV**

**HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

**Điều 10. Hình thức khen thưởng**

Theo quy định của Luật TĐKT, đối với CBCCVC và tập thể gồm có các hình thức khen thưởng như sau:

1. Huân, huy chương gồm: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Lao động”, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”, “Huy chương Hữu nghị”…

3. Danh hiệu vinh dự nhà nước: “Anh hùng Lao động”

4. Kỷ niệm chương, Huy hiệu;

5. Bằng khen, Giấy khen.

**Điều 11. Đối tượng và tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu**

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể thực hiện theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 31/QĐ-SCT ngày 06/03/2018 của Sở Công Thương

**Điều 12. Đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng**

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện theo quy định tại khoản 6, khoản 7, Điều 16, Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10/12/2019 của Bộ Công Thương.

4. Giấy khen của Giám đốc Sở thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

**Chương V**

 **THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**

 **DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

**Điều 13. Thẩm quyền của Giám đốc Sở**

Giám đốc Sở có thẩm quyền sau:

1. Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen;

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh;

3. Trình Bộ Công Thương tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ;

4. Trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

**Điều 14. Thẩm định, xét khen thưởng**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở tham mưu Giám đốc Sở khen thưởng theo thẩm quyền, hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Văn phòng Sở là đơn vị thường trực của Hội đồng TĐKT Sở, có nhiệm vụ:

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, thành tích khen cấp nhà nước, cấp tỉnh theo quy định;

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ khen thưởng, tham mưu Giám đốc Sở quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền;

c) Tham mưu cho Giám đốc Sở hiệp y để các cơ quan có thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước, Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng các đối tượng ở địa phương thuộc tuyến khen thưởng.

3. Hồ sơ TĐKT phải đầy đủ; nộp đúng thời gian và chất lượng hồ sơ phải đảm bảo yêu cầu theo quy định.

**Điều 15. Thủ tục, hồ sơ xét đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh**

1. Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước thực hiện theo các điều từ Điều 50 đến Điều 57, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TĐKT.

2. Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

a) Thủ tục xét tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” do đơn vị được giao nhiệm vụ làm trưởng Khối trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Ban TĐKT tỉnh.

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

- Báo cáo thành tích của tập thể có xác nhận của đơn vị trình khen;

- Trích biên bản bình xét của Khối (cụm).

b) Thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

- Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” do đơn vị trình Giám đốc Sở (qua Hội đồng TĐKT Sở), gồm:

+ Tờ trình kèm danh sách đề nghị;

+ Báo cáo thành tích của cá nhân có xác nhận của đơn vị trình;

+ Trích biên bản của Hội đồng TĐKT cơ quan, đơn vị.

- Hội đồng TĐKT Sở thẩm định hồ sơ thành tích để Giám đốc Sở trình qua Ban TĐKT tỉnh xem xét, quyết định trình Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Thủ tục xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”

- Hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh do đơn vị trình Giám đốc Sở (qua Hội đồng TĐKT Sở), gồm:

+ Tờ trình kèm danh sách đề nghị;

+ Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh có xác nhận của cơ quan, đơn vị trình khen thưởng;

+ Trích biên bản họp Hội đồng TĐKT của cơ quan, đơn vị.

- Hội đồng TĐKT Sở thẩm định hồ sơ thành tích để Giám đốc Sở trình Ban TĐKT tỉnh xem xét, quyết định trình Chủ tịch UBND tỉnh.

(Thủ tục xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương tương tự).

d) Thủ tục xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

- Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” do đơn vị trình Giám đốc Sở (qua Hội đồng TĐKT Sở), gồm:

+ Tờ trình đề nghị khen thưởng;

+ Báo cáo thành tích có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng;

+ Trích biên bản họp Hội đồng TĐKT của cơ quan, đơn vị.

- Hội đồng TĐKT Sở thẩm định hồ sơ thành tích để Giám đốc Sở trình Ban TĐKT tỉnh xem xét, quyết định trình Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở, như sau:

a) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do đơn vị trình Hội đồng TĐKT Sở, gồm:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị;

- Trích biên bản của Hội đồng TĐKT đơn vị;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu TĐKT có xác nhận của lãnh đạo đơn vị;

- Biên bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở (đối với xét tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở).

b) Hội đồng TĐKT Sở thẩm định hồ sơ, thành tích trình Giám đốc Sở quyết định.

4. Thủ tục đơn giản chỉ áp dụng cho khen thưởng đột xuất và thực hiện theo Điều 85 Luật TĐKT. Việc đề nghị khen thưởng phải thực hiện ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng gồm:

+ Tờ trình và danh sách đề nghị khen thưởng;

+ Bản tóm tắt thành tích của tổ chức, cá nhân đề nghị khen thưởng.

5. Số lượng hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh: 01 bộ, không đóng bìa (trong tổng số 03 bộ).

Đối với danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải có báo cáo sáng kiến, đề tài có xác nhận của Hội đồng xét sáng kiến Sở.

**Điều 16. Chế độ báo cáo và gửi đăng ký, giao ước thi đua hàng năm**

Các phòng Sở, đơn vị trực thuộc thực hiện đăng ký, giao ước thi đua hàng năm và báo cáo kết quả thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng về Hội đồng TĐKT Sở (qua Văn phòng Sở).

**Điều 17. Hoạt động của Hội đồng TĐKT và Hội đồng xét sáng kiến Sở**

1. Hội đồng TĐKT Sở được Giám đốc Sở ra quyết định thành lập và kiện toàn; Thủ trưởng đơn vị trực thuộc quyết định thành lập Hội đồng TĐKT đơn vị. Hội đồng có nhiệm vụ cơ bản sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch, triển khai các phong trào thi đua hàng năm và đột xuất;

b) Tham mưu Giám đốc Sở quản lý, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện công tác TĐKT trong cơ quan, đơn vị;

c) Giải quyết những kiến nghị, vướng mắc về công tác TĐKT;

d) Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số tán thành trong việc xem xét đề nghị các hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể;

đ) Hội đồng TĐKT đơn vị thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; đăng ký, giao ước thi đua quy định tại Điều 16 Quy chế này.

2. Giám đốc Sở căn cứ vào Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến trên địa bàn tỉnh và các văn bản liên quan, quyết định thành lập và hoạt động Hội đồng xét sáng kiến Sở.

**Chương VI**

**QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG**

**Điều 18. Nguồn hình thành quỹ TĐKT Sở**

Quỹ TĐKT của Sở được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên do UBND tỉnh giao trong dự toán chi ngân sách của đơn vị; từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức và nguồn thu hợp pháp khác.

Quỹ thi đua khen thưởng được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại chịu trách nhiệm chi tiền thưởng theo quy định đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở cho các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của đơn vị.

**Điều 19. Sử dụng Quỹ TĐKT**

1. Chi in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, biểu mẫu hồ sơ khen thưởng; làm khung, cờ thi đua, huy hiệu, hiện vật khen thưởng.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo hình thức khen thưởng cho các cá nhân, tập thể được Giám đốc sở quyết định khen thưởng.

3. Trích 20% trong tổng Quỹ TĐKT để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác TĐKT.

**Điều 20. Mức tiền thưởng đối với các hình thức khen thưởng của Giám đốc Sở**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở.

Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

3. Cá nhân được Giám đốc Sở tặng Giấy khen được thưởng 0,3 mức lương cơ sở.

4. Danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến được thưởng 0,8 mức lương cơ sở.

5. Tập thể được Giám đốc sở tặng Giấy khen được thưởng 0,6 mức lương cơ sở.

**Điều 21. Ưu đãi khác**

Cá nhân đạt các thành tích xuất sắc và được khen thưởng theo quy định, được xét nâng bậc lương trước thời hạn, động viên CBCCVC hăng hái thi đua, nâng cao hiệu quả QLNN trong ngành Công Thương.

**Chương VII**

**XỬ LÝ VI PHẠM, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 22. Trách nhiệm và xử lý vi phạm**

Cá nhân, đơn vị nào kê khai thành tích không đúng sự thật để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi tiền thưởng (hoặc hiện vật) đã nhận. Đồng thời tùy vào tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xem xét xử lý kỷ luật.

Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xem xét xử lý kỷ luật.

**Điều 23. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng TĐKT Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc báo cáo bằng văn bản về Thường trực Hội đồng TĐKT Sở (Văn phòng Sở) để tổng hợp trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC** **Hoàng Văn Quảng** |